

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-PT

Ngày 23/7/2021

“V/v Chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLPT-HNGĐ ngày 07/5/2021, về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ-PT ngày 24/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐ-PT ngày 07/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-PT ngày 07/7/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Tuấn Thịnh, xã Tân Th, huyện Lạng G, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** **Anh Trần Quang M**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hương Lạc, huyện Lạng G, tỉnh B (Vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị L - là nguyên đơn.

*** Kháng nghị:** Quyết định số 125/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Quang M kết hôn năm 2007, do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2019 vợ chồng anh đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 54/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G nhưng không yêu cầu chia tài sản chung. Sau ly hôn, do chị và anh M không tự thỏa thuận được về chia tài sản chung, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Chị xác định tài sản chung gồm có: Nhà ở cấp 4, diện tích 140m², Bán mái lợp proximãng diện tích 64,4m², nhà bếp diện tích 36m², sân gạch diện tích 112,5m², trụ cổng + cánh cổng sắt. Tổng tài sản theo định giá là 356.342.020đồng.

Nay chị yêu cầu chia cho mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản, chị đề nghị giao cho anh M sử dụng các tài sản trên và anh M trích trả cho chị bằng tiền; chị không yêu cầu chia đất vì chị xác định đất là của bố mẹ anh M.

- Về công nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nợ bà L103 chỉ vàng 9999 (chưa trả), nợ bà T02 chỉ vàng 9999 và 10.000.000đồng (anh M đã trả 02 chỉ vàng, còn nợ 10.000.000đồng), nợ chị Nh10.000.000đồng (chưa trả), nợ anh T1 10.000.000đồng (anh M đã trả xong), nợ anh H20.000.000đồng (anh M đã trả 8.000.000đồng, còn nợ 12.000.000đồng), nợ anh M104 chỉ vàng 9999 (anh M đã trả xong), anh Ph10.000.000đồng (anh M đã trả xong), nợ anh Th1.000.000đồng (anh M đã trả nợ xong), nợ anh K28.000.000đồng (Anh M đã trả 18.000.000đồng, còn nợ 10.000.000đồng). Tổng số nợ là 09 chỉ vàng và 89.000.000đồng. Nay do những người vay không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ; Mặt khác, chị và anh M đã tự thỏa thuận về việc trả nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Tại các bản khai, bị đơn là anh Trần Quang M trình bày:* Anh và chị L kết hôn năm 2007, do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2019 vợ chồng đã ly hôn, nhưng không yêu cầu chia tài sản chung. Sau ly hôn, do anh và chị L không tự thỏa thuận được về chia tài sản chung, do đó chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Anh xác định tài sản chung gồm có: Nhà ở cấp 4 diện tích 140m², bán mái lợp proximãng diện tích 64,4m², nhà bếp diện tích 36m², sân lát gạch chỉ diện tích 112,5m², trụ cổng + cánh cổng sắt. Tổng tài sản theo định giá là 356.342.020đồng. Nay anh đồng ý chia cho mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản, nhưng anh không đồng ý chia bằng tiền và anh yêu cầu chia bằng hiện vật; anh không yêu cầu chia đất vì đất là của bố mẹ anh cho anh mượn để làm nhà ở tạm.

- Về công nợ chung: Nợ bà L103 chỉ vàng 9999 (chưa trả), nợ bà T02 chỉ vàng 9999 và 10.000.000đồng (anh đã trả 02 chỉ vàng, còn nợ 10.000.000đồng), nợ chị Nh10.000.000đồng (chưa trả), nợ anh T1 10.000.000đồng (anh đã trả xong), nợ anh H20.000.000đồng (anh đã trả 8.000.000đồng, còn nợ 12.000.000đồng), nợ anh M104 chỉ vàng 9999 (anh đã trả xong), nợ anh Ph10.000.000đồng (anh đã trả xong), nợ anh Th1.000.000đồng (anh đã trả xong), nợ anh K28.000.000đồng (anh đã trả 18.000.000đồng, còn nợ 10.000.000đồng). Tổng số nợ là 09 chỉ vàng và

89.000.000đồng; anh đã tự trả được 06 chỉ vàng và 47.000.000đồng, hiện còn nợ 03 chỉ vàng và 42.000.000đồng. Nay do những người cho vay đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ; mặt khác anh và chị L đã tự thỏa thuận được về việc trả nợ, nên nay anh không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa chị L, anh M đều nhất trí chia tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về công nợ. Tuy nhiên, chị L vẫn yêu cầu chia bằng tiền, nhưng anh M không đồng ý và yêu cầu chia bằng hiện vật.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G đã xử:

Áp dụng: Điều 29, Điều 31, Điều 33, Điều 35, Điều 37, Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

- Giao cho anh Trần Quang M sử dụng toàn bộ tài sản chung gồm có: Nhà ở cấp 4, diện tích 140m, bán mái kèo sắt lợp proximi măng diện tích 64,4m²; Nhà bếp diện tích 36m², sân lát gạch chỉ diện tích 112,5m², trụ cổng, cánh cổng sắt. Tổng giá trị giá tài sản là 356.342.020 đồng. Nhưng anh Trần Quang M phải trích trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 178.171.010đồng.

- Về chi phí định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Quang M mỗi bên phải chịu 1.500.000đồng chi phí định giá tài sản; nhưng anh M phải trả cho chị L 1.500.000đồng trong số tiền 3.000.000đồng tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản mà chị L đã nộp thay cho anh M

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/4/2021 chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì chị vẫn đề nghị được giao cho anh M quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản chung vợ chồng bằng hiện vật còn anh M có trách nhiệm trích trả cho chị bằng tiền. Tuy nhiên, sau khi xét xử vụ án xong về nhà thì chị thấy việc giao toàn bộ các tài sản chung của vợ chồng cho anh M quản lý, sử dụng sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án sau này, không đảm bảo quyền lợi của chị mà phải giao cho bà Lê Thị B là mẹ đẻ anh M là người quản lý đất được quản lý, sử dụng các tài sản chung của chị và anh M, bà B trích trả chị và anh M bằng tiền thì mới đảm bảo nên chị xin kháng toàn bộ bản án số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 về việc chia tài sản chung của Tòa án nhân dân huyện Lạng G.

Ngày 07/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G tỉnh Bắc Giang có Quyết định kháng nghị số 125/QĐKNPT-VKS-DS. Nội dung kháng nghị: Kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G. Lý do: chị L và anh M đều thừa nhận trong quá trình chung sống đã tạo lập được khối tài sản chung có giá trị tổng là 356.342.020 đồng, chị L đề nghị giải quyết phân chia gia sản cho anh M sử dụng các tài sản và anh M trích

chia cho chị bằng tiền. Anh M đề nghị giải quyết phân chia bằng hiện vật. Các tài sản trên đều được xây dựng trên đất của hộ ông Trần Quang X (là bố đẻ anh M) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 04/11/1999 với tổng diện tích 4.155m². Ông X chết ngày 31/8/2019. Do tất cả các tài sản chung của anh M, chị L đều là bất động sản, gắn liền với đất nếu tháo dỡ sẽ mất giá trị sử dụng. Khi xây dựng được sự đồng ý của ông X, bà B. Việc giải quyết phân chia tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất của bà B, quyền thừa kế tài sản do ông X để lại. Tòa án đã lấy lời khai của bà B, anh V, chị Th nhưng lại không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Để đảm bảo cho việc thi hành án sau này, thì phải giải quyết giao toàn bộ các tài sản chung của anh M, chị L cho người có quyền sử dụng đất là bà B sở hữu; bà B thanh toán trả bằng tiền cho anh M, chị L. Việc Tòa án giải quyết giao cho anh M sở hữu tài sản, anh M trích trả chị L bằng tiền là không đảm bảo cho việc thi hành án sau này. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/HNGD-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có kháng cáo là chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trình bày: Do dịch bệnh Covid chị ở xa nên không về kịp để tham dự phiên tòa. Vậy mong Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét cho chị vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/7/2021 và theo nguyện vọng của chị, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn kháng cáo là nhà và đất sẽ được giao cho bà B quản lý và chị trách nhiệm chi trả số tiền đó cho chị.

- Bị đơn là anh Trần Quang M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang, xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lạng G giải quyết

lại. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L có kháng cáo vắng mặt, nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn là anh Trần Quang M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L về việc giao toàn bộ tài sản chung cho bà B, quản lý sử dụng, bà B có trách nhiệm trích trả giá trị tài sản của chị bằng tiền và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G về việc đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng và bản án cấp sơ thẩm tuyên không đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về đưa thiếu người tham gia tố tụng: Sau khi ly hôn chị L và anh M không tự giải quyết phân chia được tài sản, nên chị L đã khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung cho chị và anh M. chị L và anh M đều thừa nhận trọng quá trình chung sống anh chị đã tạo lập được khối tài sản chung được định giá gồm: Nhà cấp 4, trị giá 304.000.000đồng; Bán mái lợp proximãng 14.340.645 đồng; nhà bếp 21.600.000đồng; sân lát gạch 10.125.000đồng; cổng ốp gạch men 1.929.375 đồng; cánh cổng 4.347.000đồng. Tổng 356.342.020đồng. chị L đề nghị giải quyết phân chia giao cho anh M sử dụng các tài sản trên và anh M trích trả cho chị bằng tiền. Anh M đề nghị giải quyết phân chia bằng hiện vật. Các tài sản trên đều được xây dựng trên đất hộ ông Trần Quang X (là bố đẻ anh M) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/11/1999 với tổng diện tích 4.155m². Ông X đã chết ngày 31/8/2019. Do tất cả các tài sản chung của anh M, chị L đều là bất động sản gắn liền với đất, nếu tháo dỡ sẽ mất giá trị sử dụng. Khi xây dựng được sự đồng ý của ông Xuân, bà B. Việc giải quyết phân chia tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất của bà B, quyền thừa kế tài sản do ông X để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của bà B, anh V, chị Thnhung lại không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phần tài sản trên đất đang có tranh chấp được xây trên đất lâm nghiệp, không phải đất ở. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã Tân Th, không đưa

Ủy ban nhân dân huyện Lạng G vào tham gia tố tụng để làm rõ nội dung có việc xây dựng tài sản trái phép không? không hỏi ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Lạng G như thế nào về việc xây nhà trên đất lâm nghiệp, có sai mục đích không? Có bị thu hồi hoặc buộc tháo dỡ không? là đưa thiếu người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

- Đối với các khoản nợ chung: chị L và anh M đều xác định có các khoản nợ chung nhưng tự thỏa thuận. Bản án sơ thẩm nhận định “Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của bà Lý, anh Tính, chị Nhung, anh T1, anh Hợi, anh Mười, anh Phường, anh Thành, anh Kvà những người này đều xác nhận Loan, anh M có vay tiền, vàng như chị L anh M đã trình bày là đúng, nhưng đều đề nghị để họ tự giải quyết với chị L, anh M và không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết”. Tuy nhiên, tại các biên bản xác minh của Tòa cấp sơ thẩm đối với những người này thì không có nội dung về việc các chủ nợ trình bày để họ tự giải quyết với chị L, anh M. Cụ thể, tại biên bản xác minh với anh Nghiêm Đức K(BL 63), anh Kyêu cầu Tòa án giao cho anh M trả anh 10.000.000đồng, anh không có yêu cầu độc lập hay phản tố gì, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Tại biên bản xác minh với anh Hoàng Văn H(BL 62) anh Hyêu cầu Tòa án giao cho chị L trả nốt 12.000.000đồng, nhưng không có yêu cầu phản tố, độc lập gì; Tại biên bản xác minh với chị Nguyễn Thị Nh(BL 61) chị Nhyêu cầu Tòa án giao chị L phải trả chị 10.000.000đồng, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác, không có yêu cầu độc lập gì; Tại biên bản xác minh với bà Vũ Thị L1(BL 60) bà L1yêu cầu Tòa án giao chị L phải trả cho bà 03 chỉ vàng; Biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị Tính (BL 59) bà Tyêu cầu Tòa án giao chị L trả cho bà số tiền 10.000.000đồng. Như vậy, những người này vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh M hoặc chị L phải trả tiền cho họ. Mặc dù, những người này trình bày họ không có yêu cầu độc lập gì nhưng đều có yêu cầu Tòa án giao cho anh M hoặc chị L phải trả khoản nợ chứ không phải như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm “đề nghị để họ tự giải quyết với chị L, anh M và không yêu cầu gì”, đây phải xem là yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những nội dung này và nhận định họ không yêu cầu giải quyết là chưa đủ căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cần hỏi rõ các chủ nợ có yêu cầu giải quyết khoản nợ không, thông báo cho họ nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình, nếu họ không nộp tạm ứng án phí mới không xem xét giải quyết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và không đưa những người này vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà B, anh V, chị Th và những chủ nợ chung của anh M, chị L vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để trình bày quan điểm là vi phạm nghiêm trọng tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Về nội dung kháng nghị: Để đảm bảo cho việc thi hành án, thì Tòa cấp sơ thẩm phải giải quyết giao toàn bộ các tài sản chung của anh M, chị L cho người có quyền sử dụng đất là bà B sở hữu; bà B thanh toán trả bằng tiền cho anh M, chị L. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cho anh M sở hữu, tài sản, anh M trích trả chị L bằng tiền là không đảm bảo cho việc thi hành án và không thể thi hành án nếu các đương sự không tự nguyện thi hành án. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G về nội dung này là có căn cứ.

- Về nội dung kháng nghị: Tòa án giải quyết anh M phải có trách nhiệm trích chia cho chị L 178.171.010 đồng nhưng không tuyên về lãi suất chậm thi hành án là không đảm bảo quyền lợi cho chị L, là có căn cứ chấp nhận.

- Về nội dung kháng nghị: Phần quyết định của bản án, Tòa án không ghi rõ về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án là không đúng quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Như vậy, việc kháng cáo của chị L yêu cầu tuyên buộc bà B có trách nhiệm trích trả tài sản cho anh chị là có căn cứ chấp nhận, việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị toàn bộ hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Xuân, Ủy ban nhân dân huyện Lạng G, Ủy ban nhân dân xã Tân Th vào tham gia tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Lạng G giải quyết lại.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G, hủy phần toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang, xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang về “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang M.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lạng G, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng. Nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị L số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002960 ngày 09/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng G.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hiền Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND huyện Lạng G;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng G;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Trần Thị Hà

